

THỰC TRẠNG NGHIÊN INTERNET TRONG SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

Lê Thanh Hà¹

Tóm tắt: Nghiên internet là một trong những vấn đề xuất hiện cùng với sự phát triển của công nghệ. Mục đích của nghiên cứu này là xác định thực trạng nghiên internet trong sinh viên sư phạm với mẫu nghiên cứu là 940 sinh viên trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 (63 nam và 877 nữ). Đây là một nghiên cứu cắt ngang, mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp thuận tiện và được thực hiện cuối năm 2020 theo hình thức trực tuyến. Dữ liệu thu được thông qua bảng hỏi gồm 2 phần: (1) thông tin nhân khẩu học của khách thể và (2) thang đo nghiên internet. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ nghiên internet của mẫu nghiên cứu là 39,1%; Điểm trung bình thang đo nghiên internet là $47,27 \pm 12,18$ và kiểm định thống kê cho thấy không có sự khác biệt về mức độ phụ thuộc internet giữa các nhóm giới tính, dân tộc và nơi ở; Mức độ nghiên Internet có liên quan đến vấn đề tài chính khó khăn và số giờ sử dụng điện thoại thông minh/ngày.

Từ khóa: nghiên; nghiên internet; sinh viên sư phạm;

1. MỞ ĐẦU

Internet đã trở thành một phần tất yếu của cuộc sống đối với hầu hết sinh viên và thực tế sinh viên đang dành nhiều thời gian cho việc truy cập internet hàng ngày. Điều này đã khiến các nhà giáo dục, các bậc phụ huynh và những người nghiên cứu tâm lý học quan tâm về việc sử dụng internet quá mức và những nguy cơ không an toàn với giới trẻ.

Không phủ nhận những lợi ích mà internet mang lại cho cuộc sống, đặc biệt trong thời gian giãn cách xã hội do dịch bệnh bùng phát. Internet được sử dụng để thiết lập các kết nối nhanh chóng với phạm vi toàn cầu. Nhiều ứng dụng trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu khoa học được ra đời phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu của học sinh sinh viên. Tuy nhiên, sức hấp dẫn của các ứng dụng cũng tăng mạnh trong các lĩnh vực giải trí hấp dẫn và dẫn đến sự xuất hiện của chứng nghiện internet.

Tính đến tháng 1/2021, dân số Việt Nam đạt mốc 97.75 triệu dân, với tỷ lệ dân thành thị là 37.7%. Trong đó, có khoảng 68.72 triệu người đang sử dụng internet (chiếm 70.3% dân số) thông qua các nền tảng, ứng dụng khác nhau, với thời lượng trung bình là 6 giờ 47 phút [1]. Điều này cho thấy mức độ sử dụng internet tại Việt Nam là rất lớn và cần có

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

các nghiên cứu để làm sáng tỏ các câu hỏi về thực trạng sử dụng cũng như ảnh hưởng của internet đến cuộc sống của giới trẻ.

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về nghiện internet. Các nhà tâm thần học mô tả nghiện internet như là việc sử dụng internet như một rối loạn cưỡng bức; Nghiện internet được đặc trưng bởi những mối bận tâm quá mức hoặc thiếu kiểm soát, sự thôi thúc hoặc hành vi liên quan đến việc truy cập internet dẫn đến mệt mỏi và suy kiệt [2].

Orzack cho rằng người nghiện internet cho thấy sự mất kiểm soát trong suy nghĩ và hành động đối với việc trực tuyến, nhưng bất chấp những vấn đề này, người nghiện không thể từ bỏ internet. Sử dụng máy tính trở thành trở ngại ưu tiên trong cuộc sống của người nghiện internet. (Dẫn theo Young and Abreu [3])

Young cho rằng nghiện internet là “Bất kì hành vi thôi thúc (impulsive) nào liên quan đến việc trực tuyến cản trở cuộc sống bình thường và gây căng thẳng nghiêm trọng cho gia đình, bạn, những người thân và môi trường làm việc của một người. Nghiện internet còn được gọi là phụ thuộc vào internet (Internet Dependency) và sự thôi thúc sử dụng internet. Dù được gọi bằng tên gọi nào, nghiện internet là một hành vi thôi thúc và chi phối hoàn toàn cuộc sống của người nghiện. Những người nghiện internet coi internet là những thứ quan trọng hơn cả gia đình, bạn bè và công việc. Internet trở thành nguyên tắc tổ chức cuộc sống của người nghiện. Họ sẵn sàng hy sinh những gì họ trân quý nhất để giữ gìn và tiếp tục hành vi không lành mạnh của mình”. (Dẫn theo Tracy [4])

Nghiện internet hoặc là sử dụng internet quá mức trong học sinh, sinh viên là một trong những vấn đề đã nhận được nhiều quan tâm nghiên cứu. Các nghiên cứu về tỷ lệ nghiện internet trong độ tuổi sinh viên cho kết quả rất khác nhau. Trong một nghiên cứu tại Châu Âu, tỷ lệ nghiện internet được báo cáo dao động từ 7,9% (Iceland) đến 22,8% (Tây Ban Nha) [5]. Trong nghiên cứu tại Hàn Quốc, 1,6% học sinh sinh viên được chuẩn đoán là nghiện internet, trong khi có 38% được phân loại có khả năng nghiện internet [6]. Một nghiên cứu khác tại Hoa Kỳ, các nhà nghiên cứu sử dụng thang đo IAT (Internet Addiction Test) để xác định mức độ nghiện internet, kết quả 25% được xác định là nghiện internet [7]. Có sự khác biệt đáng kể về tỷ lệ nghiện internet trong các nghiên cứu giữa các quốc gia (dao động từ 0,3% đến 38%)[8]. Sự khác biệt này có thể là do các nghiên cứu sử dụng các tiêu chí chuẩn đoán và bảng câu hỏi đánh giá khác nhau giữa các quốc gia và các nghiên cứu thường sử dụng phương pháp khảo sát trực tuyến với mẫu nghiên cứu là các nhóm được lựa chọn. Trong nghiên cứu vào năm 2010, Weinstein và Lejoyeux đã chỉ ra rằng tỉ lệ nghiện internet ở Mỹ và Châu Âu dao động trong khoảng 1,5% đến 8,2% [9]. Trong khi ở một nghiên cứu khác, Young and Abreu [10] đưa ra tỉ lệ nghiện internet từ 6% đến 18,5%.

Các nghiên cứu ở Hoa Kỳ cho thấy tỷ lệ sinh viên đại học sử dụng internet cao hơn so với các nhóm tuổi khác. Sử dụng các tiêu chí dựa trên Cẩm nang Chẩn đoán và Thống kê Rối loạn tâm thần (DSM), trong một nghiên cứu tại đại học Texas, Scherer [11] phát hiện 13% trong số 531 sinh viên có dấu hiệu phụ thuộc vào internet. Morahan-Martin and Schumacher [12] phát hiện ra có 14 % sinh viên tại Trường Cao đẳng Bryant ở Rhode Island có các triệu chứng phụ thuộc internet, và Yang [13] ước tính khoảng 10% sinh viên phụ thuộc vào internet tại Đại học Đài Loan. Các kết quả nghiên cứu cho thấy rằng sinh viên đại học dễ dàng truy cập internet đã góp phần làm gia tăng tỷ lệ sử dụng cũng như nguy cơ nghiện internet trong sinh viên.

Nghiên cứu tại Việt Nam về nghiện Internet ở độ tuổi sinh viên chỉ ra tỷ lệ nghiện internet trong sinh viên là 38,5% [14]. Chính vì vậy, nghiên cứu về việc sử dụng Internet của sinh viên, xác định được mức độ nghiện internet và một số yếu tố liên quan có ý nghĩa to lớn, giúp các nhà giáo dục học, tâm lý học có những biện pháp cụ thể và thiết thực giúp sinh viên khắc phục được vấn đề này.

Mục đích của nghiên cứu này là xác định thực trạng nghiện internet trong sinh viên với mẫu nghiên cứu là sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Khách thể nghiên cứu và phương pháp thu thập dữ liệu

Đây là một nghiên cứu cắt ngang; việc thu thập dữ liệu được thực cuối năm 2020. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng khảo sát trực tuyến với sự hỗ trợ của Viện nghiên cứu Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Bảng hỏi bao gồm 2 phần: (1) các thông tin nhân khẩu học (Giới tính, tuổi, thời gian sử dụng internet, kết quả học tập); (2) Thang đo mức độ nghiện internet. Nghiên cứu được thực hiện trên 947 sinh viên thuộc 11 khoa của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Tỉnh Vĩnh Phúc. Địa điểm của Trường cách Hà Nội 40 km và cách sân bay Nội Bài 20 km; thuộc công lập và là một trong 8 trường đại học sư phạm chủ chốt tại Việt Nam; nhà trường hiện đang đào tạo 19 ngành bậc đại học, 12 chuyên ngành bậc thạc sĩ, 5 chuyên ngành đào tạo bậc tiến sĩ và nhiều chương trình bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục [15].

2.1.2. Thang đo mức độ nghiện internet

Dựa trên Bảng hỏi chuẩn đoán nghiện internet (IADQ), Young phát triển Bảng câu hỏi đánh giá mức độ nghiện internet và cũng là công cụ được sử dụng phổ biến nhất để đánh giá mức độ phụ thuộc internet. Thang đo mức độ nghiện internet [16] là một bảng hỏi gồm 20 câu đo lường mức độ của chứng nghiện internet. Các câu hỏi trong thang đo

được đánh giá theo thang Likert 5 mức từ 1 = “Không bao giờ” đến 5 = “Rất thường xuyên”. Tổng điểm của thang đo nằm trong khoảng từ 20 đến 100; điểm càng cao thì vấn đề sử dụng internet càng lớn. Trong nghiên cứu này, những người tham gia vào nghiên cứu có tổng điểm từ 50 trở lên được xác định là có triệu chứng nghiện internet. Thang đo được hình thành bởi bốn nhân tố gồm (1) Bận tâm với việc sử dụng Internet; (2) Bỏ bê học tập; (3) Mất kiểm soát bản thân và (4) Trốn tránh xã hội. Thang đo cho thấy độ nhất quán nội bộ ở mức cao (Cronbach’s alpha = 0,89).

Bảng 1: Phân nhóm mức độ sử dụng internet (N = 940)

Mức độ sử dụng Internet	Khoảng điểm	N	%
Bình thường	0 – 49	572	60,9
Nghiện internet	≥ 50		
Nghiện internet nhẹ	50 – 60	230	24,5
Nghiện internet vừa phải	61 – 80	135	14,4
Nghiện internet nặng	81 - 100	3	0,3

Theo tiêu chí của Young, những người sử dụng internet nhẹ có thể kiểm soát việc sử dụng internet của bản thân, những người nghiện internet vừa phải thường gặp các vấn đề do việc sử dụng internet gây ra và những người nghiện internet nặng là những người gặp các vấn đề nghiêm trọng do việc sử dụng internet quá mức. [16]

2.1.3. Phân tích thống kê

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng thống kê mô tả và thống kê suy luận với sự hỗ trợ của phần mềm IBM SPSS-22. Thống kê mô tả được sử dụng để mô tả về đặc điểm mẫu nghiên cứu như trung bình, độ lệch chuẩn, khoảng tin cậy và tỷ lệ phần trăm.

Hệ số Cronbach’s alpha được sử dụng để xác định tính nhất quán (độ tin cậy) của thang đo; Tương quan giữa các biến số được đánh giá bằng hệ số tương quan Pearson (r); Kiểm định t test, phân tích phương sai một yếu tố (one-way ANOVA) và kiểm định Post hoc được sử dụng để so sánh giữa các biến số; Giá trị p nhỏ hơn hoặc bằng 0,05 được coi là mức ý nghĩa khi xem xét các kết luận thống kê.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Trong số 940 sinh viên tham gia vào nghiên cứu, phần lớn là nữ ($n = 877$; 93,3%), là dân tộc kinh ($n = 854$; 90,9%). Hơn một nửa số sinh viên sống ngoại trú ($n = 533$; 56,7%); 4/5 số sinh viên trong mẫu nghiên cứu cảm thấy không gặp khó khăn về tài chính ($n =$

750; 79,8%), và 1/5 số sinh viên trong mẫu nghiên cứu cảm thấy có khó khăn về tài chính ($n = 190$; 20,2%). Hơn một nửa số sinh viên trong mẫu nghiên cứu sử dụng điện thoại từ 3 đến 6 giờ/ngày ($n = 556$; 59,1%), trên 6 giờ/ngày ($n = 215$; 22,9%) và chỉ có 18% sinh viên sử dụng điện thoại thông minh dưới 3 giờ/ngày ($n = 169$). Nghiên cứu chỉ ra tỷ lệ sinh viên có triệu chứng nghiện internet trong mẫu nghiên cứu là 39,1% ($n = 368$) và 60,9% không có triệu chứng nghiện internet (Bảng 2).

Bảng 2: Đặc điểm mẫu nghiên cứu ($N = 940$)

Biến số		N	%
Giới tính	Nam	63	6,7
	Nữ	877	93,3
Dân tộc	Kinh	854	90,9
	Khác	86	9,1
Nơi ở	Trong ký túc xá	407	43,3
	Ngoài ký túc xá	533	56,7
Số giờ sử dụng điện thoại/ngày	Dưới 3 giờ	169	18
	Từ 3 đến 6 giờ	556	59,1
	Trên 6 giờ	215	22,9
Tình trạng tài chính	Không khó khăn	750	79,8
	Khó khăn	190	20,2
Triệu chứng nghiện internet	Không (<50 điểm)	572	60,9
	Có (≥ 50 điểm)	368	39,1

2.2.2. Thực trạng nghiện Internet trong sinh viên

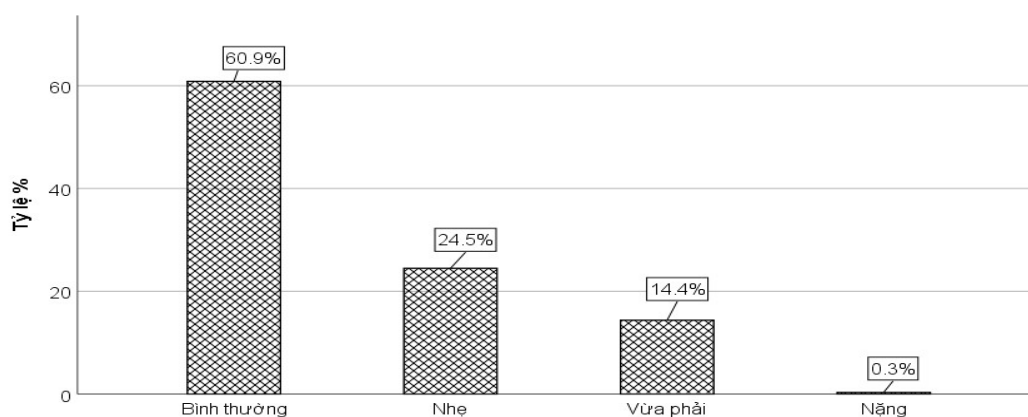
2.2.2.1. Tỷ lệ nghiện internet trong sinh viên

Kết quả phân tích bộ số liệu về thang đo nghiện internet trong sinh viên sư phạm cho ra các chỉ số sau: Điểm trung bình của thang đo nghiện internet (M) = 47,27; điểm trung vị (Median) = 47; độ lệch chuẩn (SD) = 12,18 và giá trị Skewness = 0,19.

Các số liệu thu được khẳng định phân bố điểm của thang đo nghiện internet với mẫu nghiên cứu tiệm cận phân bố chuẩn và nghiêng trái. Từ đó, có thể thấy rằng mức độ nghiện internet trong mẫu nghiên cứu cao hơn mức trung bình. Cụ thể, tỷ lệ sinh viên sư phạm có triệu chứng nghiện internet trong mẫu nghiên cứu là 39,1% ($n = 368$). Tỷ lệ này

là cao hơn so với nghiên cứu trên đối tượng sinh viên ngành y (38,5%) [14]. Tuy nhiên, sự khác biệt về tỷ lệ sinh viên nghiện internet này có thể xuất phát từ việc các nghiên cứu được thực hiện tại những thời điểm khác nhau. Tại thời điểm tiến hành nghiên cứu, Việt Nam vừa trải qua đợt dịch Covid-19 bùng phát lần thứ hai (từ 25/07/2020 đến 1/12/2020) [17]. Trong thời gian giãn cách xã hội do dịch bệnh, giảng viên và sinh viên được đề xuất tiến hành các hoạt động giảng dạy và học tập trực tuyến và hạn chế các hoạt động tiếp xúc trực tiếp. Việc học tập và kết nối xã hội được thực hiện hoàn toàn trực tuyến có thể khiến thời gian sinh viên dành cho các hoạt động có kết nối internet gia tăng và kéo theo tỷ lệ sinh viên có triệu chứng nghiện internet tăng lên.

Trong số 39,1% sinh viên có triệu chứng nghiện internet, đa số sinh viên có mức độ nghiện internet ở mức độ nhẹ ($n = 230$; 24,5%) và vừa phải ($n = 135$; 14,4%), chỉ có 3 sinh viên sử dụng internet ở mức độ nặng (0,3%) (Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1: Tỷ lệ sinh viên theo các mức độ nghiện internet ($N = 940$)

2.2.2.2. Các khía cạnh của nghiện internet

Bảng 3: Điểm trung bình và độ lệch chuẩn của các khía cạnh của thang đo nghiện internet

Các câu hỏi	M	SD	Xếp hạng
Bận tâm với việc sử dụng internet	2,18	0,82	
IAT15. Bạn có thường cảm thấy bận tâm với internet khi không sử dụng?	2,19	1,06	13

IAT20. Bạn có thường cảm thấy chán nản, bức mình hoặc bồn chồn khi bạn không sử dụng internet (off-line) và cảm giác đó biến mất ngay khi bạn sử dụng internet trở lại?	2,15	1,04	14
IAT16. Bạn có thường nói câu "chỉ một chút nữa thôi" khi đang trực tuyến/ đang sử dụng internet?	2,64	1,26	7
IAT19. Bạn có thường chọn việc dành thời gian để sử dụng internet thay vì đi chơi với bạn hoặc người khác không?	1,91	1,04	17
IAT14. Bạn có thường mất ngủ vì việc sử dụng internet không?	2,02	1,1	15
Bỏ bê công việc	2,66	0,76	
IAT6. Kết quả học tập hoặc việc học của bạn có hay bị ảnh hưởng vì thời gian bạn dành cho hoạt động trực tuyến?	2,38	1,06	9
IAT8. Hiệu suất công việc hoặc năng suất làm việc của bạn có hay bị ảnh hưởng bởi việc bạn sử dụng internet?	2,57	1,06	8
IAT2. Bạn có thường bỏ bê việc nhà để có nhiều thời gian lên mạng hơn không?	2,3	0,97	11
IAT1. Bạn có thấy là bạn trực tuyến (online) nhiều hơn so với dự tính?	3,36	1,04	1
IAT17. Bạn có thường cố gắng giảm thời gian sử dụng internet nhưng không thành công?	2,68	1,19	4
Thiếu kiểm soát bản thân	2,73	0,77	
IAT7. Bạn có thường kiểm tra email (facebook, zalo...) trước khi bắt đầu làm các công việc khác không?	3,27	1,2	2
IAT12. Bạn có thường lo sợ rằng cuộc sống không có internet sẽ nhàm chán, trống rỗng và không có niềm vui không?	2,71	1,2	3
IAT4. Bạn có thường kết bạn với những người dùng trực tuyến khác không?	2,64	1,15	6
IAT10. Bạn có thường giải thoát những lo lắng về cuộc sống thực thông qua việc sử dụng mạng internet?	2,68	1,19	5
IAT11. Bạn có thường suy nghĩ về việc khi nào bạn sẽ tiếp tục sử dụng internet (online)?	2,34	1,11	10

Trốn tránh xã hội	1,89	0,66	
IAT9. Bạn có thường trở nên lo lắng hoặc bí mật khi ai đó hỏi bạn làm gì trên mạng không?	1,74	0,98	19
IAT13. Bạn có thường cáu kỉnh, la hét, hoặc tỏ ra khó chịu nếu ai đó làm phiền bạn khi bạn đang sử dụng internet không?	1,67	0,92	20
IAT3. Bạn có thường cảm thấy thích thú việc trao đổi trên mạng hơn là việc trò chuyện với bạn bè hoặc người thân không?	2,22	1,07	12
IAT5. Những người khác có thường hay phàn nàn với bạn về số thời gian bạn dành cho việc lên mạng hay không?	1,92	1,0	16
IAT18. Bạn có thường cố gắng che giấu bạn đã trực tuyến trong bao lâu không?	1,86	1,03	18

Thang đo nghiện internet được hình thành từ bốn tiểu thang đo (Subscale) bao gồm: Bạn tâm với việc sử dụng internet (các item 14, 15, 16, 19, 20); Bỏ bê công việc (các item 1, 2, 6, 8, 17); Thiếu kiểm soát bản thân (các item 4, 7, 10, 11, 12) và Trốn tránh xã hội (các item 3, 5, 9, 13, 18).

Trong bốn khía cạnh của nghiện internet, khía cạnh “Thiếu kiểm soát bản thân” có điểm trung bình cao nhất ($M = 2,73$; $SD = 0,77$), tiếp theo là khía cạnh “Bỏ bê công việc” ($M = 2,66$; $SD = 0,76$), khía cạnh “Bạn tâm với việc sử dụng internet” ($M = 2,18$; $SD = 0,82$) và khía cạnh thấp nhất là “Trốn tránh xã hội” ($M = 1,89$; $SD = 0,66$).

Biểu hiện thiếu kiểm soát bản thân được thể hiện rõ nét thông qua thói quen kiểm tra mạng xã hội trước khi bắt đầu các công việc khác ($M = 3,17$; $SD = 1,2$), lo lắng khi không có kết nối internet ($M = 2,71$; $SD = 1,2$) và xem việc sử dụng internet là cách thức giải thoát khỏi cuộc sống thực ($M = 2,68$; $SD = 1,19$). Kết quả này cho thấy các biểu hiện của việc thiếu kiểm soát bản thân có thể trở thành thói quen trong cuộc sống và sinh hoạt của sinh viên. Các thói quen này có thể ảnh hưởng đến sự tập trung trong hoạt động học tập và thể hiện sự phụ thuộc của sinh viên vào các hoạt động trực tuyến. Kết quả này có thể gợi ý cho việc cung cấp kỹ năng quản lý cuộc sống cho sinh viên như giải pháp hạn tăng cường kiểm soát bản thân của sinh viên.

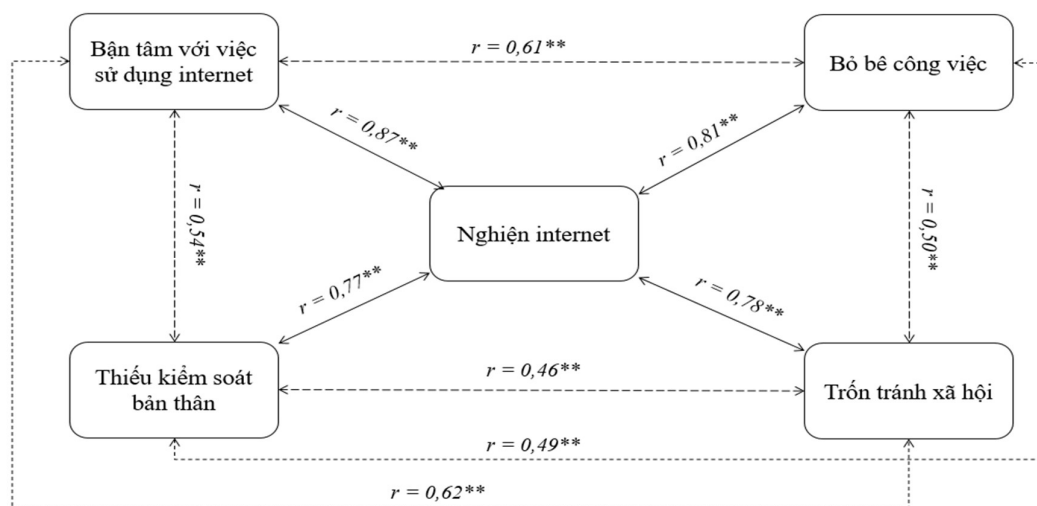
Biểu hiện “Bỏ bê công việc” trong nghiện internet xếp vị trí thứ hai ($M = 2,66$; $SD = 0,76$). Một trong những biểu hiện của nghiện internet là việc cá nhân bỏ bê, trì hoãn các hoạt động khác do bị phụ thuộc vào các hoạt động trực tuyến. Trong đó, “nhận thấy bản thân online nhiều hơn so với dự tính” có điểm trung bình cao nhất $M = 3,36$ ($SD = 1,04$). Điều này phản ánh internet đang lấy đi nhiều thời gian của sinh viên mặc dù sinh viên

nhận thức được điều đó. Việc dành nhiều thời gian hơn so với dự tính cho việc trực tuyến sẽ ảnh hưởng đến thời gian cho các hoạt động khác của sinh viên như: học tập, hoạt động xã hội và các hoạt động tự phục vụ khác.

2.2.3. Tương quan giữa các khía cạnh của thang đo nghiện internet

Số liệu mô tả ở sơ đồ 1 cho thấy các khía cạnh của thang đo nghiện internet có tương quan thuận, khá chặt với thang đo nghiện internet. Hệ số tương quan r dao động trong khoảng từ 0,77 đến 0,87 với mức ý nghĩa p nhỏ hơn 0,01. Kết quả này cho thấy các khía cạnh của thang đo nghiện internet phản ánh tốt mức độ nghiện internet với mẫu nghiên cứu. Khi mỗi khía cạnh (biểu hiện) của nghiện internet càng tăng sẽ kéo theo mức độ nghiện internet tăng theo và ngược lại, mỗi khía cạnh của nghiện internet giảm thấp sẽ kéo theo mức độ nghiện internet của sinh viên giảm xuống. Kết quả này có thể gợi ý cho nhà quản lý giáo dục và sinh viên cân nhắc các biện pháp hạn chế mức độ phụ thuộc vào internet. Ví dụ, để hạn chế khía cạnh “trốn tránh xã hội”, nhà trường cần tổ chức/khuyến khích các hoạt động hướng đến tăng cường các tương tác xã hội thông qua hoạt động văn hóa – thể thao hoặc các hoạt động xã hội khác.

Xem xét mối quan hệ tương quan giữa các khía cạnh trong thang đo nghiện internet, kết quả cho thấy tương quan giữa các khía cạnh ở mức trung bình (hệ số tương quan r dao động trong khoảng từ 0,46 đến 0,62; $p < 0,01$). Hệ số tương quan giữa các khía cạnh ở mức trung bình cho thấy các khía cạnh trong thang đo nghiện internet có mức độ độc lập tương đối mặc dù có tương quan với nhau.



Ghi chú: **: $p < 0,01$

Sơ đồ 1: Tương quan giữa điểm nghiện internet với các khía cạnh của thang đo nghiện internet

2.2.4. Nghiện internet của sinh viên và các đặc điểm nhân khẩu học

Xem xét điểm trung bình của thang đo nghiện internet trong sinh viên với các biến nhân khẩu học cho kết quả:

Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình nghiện internet giữa các nhóm sinh viên nam và nữ, giữa nhóm sinh viên là dân tộc kinh và dân tộc thiểu số, giữa nhóm sinh viên nội trú và sinh viên ngoại trú. Nói cách khác, mức độ phụ thuộc vào internet của các nhóm này là như nhau và không phụ thuộc vào các đặc điểm giới tính, dân tộc hay nơi ở của sinh viên.

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình nghiện internet giữa các nhóm được phân chia theo số thời gian sử dụng điện thoại thông minh/ngày và giữa các nhóm có tình trạng tài chính. Cụ thể, nhóm sinh viên có số giờ sử dụng điện thoại thông minh/ngày càng cao thì điểm trung bình của thang đo nghiện internet càng cao. Điểm trung bình của thang đo nghiện internet cao nhất là nhóm sinh viên sử dụng điện thoại thông minh trên 6 giờ/ngày ($M = 52,4$; $SD = 12,2$), tiếp đến là nhóm sinh viên sử dụng điện thoại thông minh từ 3 đến 6 giờ/ngày ($M = 46,8$; $SD = 11,6$), thấp nhất là nhóm sinh viên sử dụng điện thoại thông minh dưới 3 giờ/ngày ($M = 42,4$; $SD = 11,9$) và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với giá trị $p < 0,001$. Tiếp theo, nhóm sinh viên có khó khăn về tài chính có điểm trung bình nghiện internet cao hơn nhóm sinh viên không có khó khăn về tài chính ($M = 49,2$ và $M = 46,8$; $p < 0,05$).

Bảng 4: Mối quan hệ giữa điểm thang đo nghiện internet với các biến nhân khẩu học trong mẫu nghiên cứu ($N = 940$)

Biến số		N	M	SD	p
Giới tính	Nam	63	44,7	14,2	0,09
	Nữ	877	47,4	12,0	
Dân tộc	Kinh	854	47,2	12,3	0,37
	Khác	86	48,4	11,4	
Nơi ở	Nội trú	407	46,9	11,9	0,4
	Ngoại trú	533	47,6	12,4	
Số giờ sử dụng điện thoại/ngày	(1) Dưới 3 giờ	169	42,4	11,9	< 0,001
	(2) Từ 3 đến 6 giờ	556	46,8	11,6	
	(3) Trên 6 giờ	215	52,4	12,2	
Tình trạng tài chính	(1) Không khó khăn	750	46,8	11,8	< 0,05
	(2) Khó khăn	190	49,2	13,4	

3. KẾT LUẬN

Như vậy, từ các kết quả nghiên cứu trên, có thể đưa ra một số kết luận sau về thực trạng nghiện internet của sinh viên với mẫu nghiên cứu là sinh viên Trường ĐHSPT Hà Nội 2. Thứ nhất, tỷ lệ nghiện internet của sinh viên là 39,1% (Mức độ nhẹ 24,5%; Mức độ vừa 14,4% và mức độ nặng 0,3%). Thứ hai, trong số bốn khía cạnh của nghiện internet, “thiếu kiểm soát bản thân” và “bỏ bê công việc” là hai khía cạnh biểu hiện rõ nét nhất triệu chứng nghiện internet trong sinh viên. Thứ ba, bốn khía cạnh của thang đo nghiện internet có tương quan thuận với nhau và tương quan chặt với thang đo nghiện internet. Thứ tư, số giờ sử dụng điện thoại thông minh/ngày và khó khăn tài chính có liên quan đến mức độ phụ thuộc vào internet trong sinh viên.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ từ nguồn kinh phí Khoa học Công nghệ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cho Đề tài Khoa học, mã số: HPU2.CS-2021.12

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. DataReportal, *Thống kê sử dụng internet tại Việt Nam (Tình hình sử dụng internet tại Việt Nam năm 2021)* 2021 21/08/2021 [cited 2021]; Available from: <https://datareportal.com/reports/digital-2021-vietnam>.
2. Shaw, M. and D.W. Black, *Internet addiction: definition, assessment, epidemiology and clinical management*. CNS Drugs, 2008. **22**(5): p. 353-65.
3. Young, K. and C.N.d. Abreu, *Internet Addiction: A Handbook and Guide to Evaluation and Treatment*. 2010.
4. Tracy, N. *What is Internet Addiction, Internet Dependency?* 2008 15/08/2021; Available from: <https://www.healthyplace.com/addictions/internet-addiction/what-is-internet-addiction-internet-dependency>.
5. Tsitsika, A., et al., *Internet addictive behavior in adolescence: a cross-sectional study in seven European countries*. Cyberpsychol Behav Soc Netw, 2014. **17**(8): p. 528-35.
6. Kim, K., et al., *Internet addiction in Korean adolescents and its relation to depression and suicidal ideation: a questionnaire survey*. Int J Nurs Stud, 2006. **43**(2): p. 185-92.
7. Moreno, M.A., et al., *Problematic internet use among US youth: a systematic review*. Arch Pediatr Adolesc Med, 2011. **165**(9): p. 797-805.
8. Chakraborty, K., D. Basu, and K.G. Vijaya Kumar, *Internet addiction: consensus, controversies, and the way ahead*. East Asian Arch Psychiatry, 2010. **20**(3): p. 123-32.
9. Weinstein, A. and M. Lejoyeux, *Internet addiction or excessive internet use*. Am J Drug Alcohol Abuse, 2010. **36**(5): p. 277-83.
10. Young, K. and C.N.d. Abreu, *Internet Addiction: A handbook and guide to evaluation and treatment*. 2011, New Jersey: John Wiley & Sons Inc.

11. Scherer, K., *College life online: Healthy and unhealthy Internet use*. Journal of College Development, 1997. **38**: p. 655–665.
12. Morahan-Martin, J. and P. Schumacher, *Incidence and correlates of pathological Internet use among college students*. Computers in Human Behavior, 1999.
13. Yang, S., *Sociopsychiatric characteristics of adolescents who use computers to excess*. Acta Psychiatrica Scandinavica, 2001. **104**.
14. Ngọc, N.T.M., et al., *Thực trạng nghiện internet và một số yếu tố liên quan của sinh viên y đa khoa trường đại học y dược hải phòng năm 2019*. Tạp chí Y học dự phòng, 2019. **9**.
15. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, *Giới thiệu về Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*. 2021 28/08/2021; Available from: <https://hpu2.edu.vn/vi-VN/gioi-thieu>.
16. Young, K. *Caught in the Net: How to Recognize the Signs of Internet Addiction--and a Winning Strategy for Recovery*, 1998.
17. Báo Thanh Niên, *Việt Nam đối mặt đợt dịch nguy hiểm nhất từ trước tới nay*, 2021 20/10/2021; Available from: <https://thanhnien.vn/viet-nam-doi-mat-dot-dich-nguy-hiem-nhat-tu-truoc-toi-nay-post1065707.html>.

PREVALENCE OF INTERNET ADDICTION AMONG STUDENTS OF HANOI PEDAGOGICAL UNIVERSITY 2

Le Thanh Ha

Abstract: *Internet addiction is one of the problems that appear with technology development. The study is to determine the prevalence of internet addiction among pedagogical students. The research sample is the students of Hanoi National Pedagogical University 2. This research is a cross-sectional study. The research sample was selected by the conventional method and by the end of 2020. Data obtained through a questionnaire consists of 2 parts: (1) demographic information of the audience and (2) internet addiction scale. Participants are 940 students studying at Hanoi National Pedagogical University 2 (63 male and 877 female). The participants were selected by convenience sampling method and conducted by the end of 2020 in an online form. The questionnaire consists of two parts: (1) the demographic information and (2) internet usage (Internet Addiction Test 20). Research results show that the internet addiction rate of the sample is 39.1%. The average score on the IAT scale is 47.27 ± 12.18 . Statistical testing shows no difference in internet addiction within the group of gender, ethnicity, and place of residence; internet addiction is related to financial difficulty and the number of hours of smartphone use per day.*

Keywords: *Addiction; Internet addiction; Pedagogical student*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 02-01-2023; ngày phản biện đánh giá: 09-01-2023; ngày chấp nhận đăng: 20-01-2023)